Ký bởi: SỞ CÔNG THƯƠNG
Ngày ký: 13-10-2026 10:10:35 +07:00

CÔNG TY TNHH VAINIO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA
ĐẾN Số: 17722
Ngày: 13/10/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Số: 02./CV-VAINIO
V/v tự công bố sản phẩm

Khánh Hòa, ngày 13. tháng 10. năm 2026

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa;

Thực hiện Luật An toàn thực phẩm và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, **Công ty TNHH VAINIO** trân trọng gửi đến Quý Sở hồ sơ tự công bố sản phẩm **CÀ PHÊ RANG XAY NHA TRANG**.

Hồ sơ gồm:

1. Bản tự công bố sản phẩm số 01/VAINIO/2026, kèm nội dung ghi nhãn và mẫu nhãn sản phẩm dự kiến;

2. Phiếu kiểm nghiệm mã số mẫu 1786/26 GKNTP ngày 17/9/2026 của Trung tâm Kiểm nghiệm Khánh Hòa;

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao);

4. Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 về Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (bản sao).

Bản tự công bố sản phẩm đồng thời được Công ty công khai trên trang thông tin điện tử www.vainio.vn và niêm yết tại trụ sở Công ty theo quy định.

Công ty cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ tự công bố và về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

CÔNG TY TNHH VAINIO
GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

M.S.D.N: 4201987016-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH VAINIO
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

Thạch Thị Minh Phương

CÔNG TY TNHH VAINIO

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/VAINIO/2026

CÀ PHÊ RANG XAY NHA TRANG

Khánh Hòa, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/VAINIO/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH VAINIO**

Địa chỉ: Đường 88, Lô 14 LK5-13 Khu đô thị Mỹ Gia - Thái Hưng, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 039 8124261 Fax: .....

E-mail: vainiocoffee@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: **4201987016**

Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 về Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm cấp cho Công ty TNHH VAINIO có số chứng nhận **24.02.555-FSM**, cấp ngày 24/06/2026, có giá trị đến 15/04/2027.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **CÀ PHÊ RANG XAY NHA TRANG**

2. Thành phần: 100% nguyên liệu cà phê tự nhiên (cà phê Arabica 20%, cà phê Robusta 80%).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng được ghi trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

+ Gói: 250g; 500g; 1kg.

- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đóng trong túi màng ghép phức hợp nhiều lớp, có van một chiều, ép kín miệng. Bao bì bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

+ Hộp: 100 g (10 túi × 10 g), 120 g (10 túi × 12 g)

- Chất liệu bao bì: cà phê được chứa trong túi lọc giấy chuyên dụng dùng cho thực phẩm (dạng phin giấy nhỏ giọt); mỗi túi lọc được đóng trong túi màng ghép phức hợp ép kín miệng; bao bì ngoài là hộp giấy. Bao bì bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế..

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên cơ sở sản xuất: **CÔNG TY TNHH VAINIO**
- Địa chỉ: Đường 88, Lô 14 LK5-13 Khu đô thị Mỹ Gia - Thái Hưng, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến và nội dung ghi nhãn sản phẩm.*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- TCVN 5251:2015 Cà phê bột – chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
2	Trạng thái	Dạng bột, mịn, không vón cục
3	Mùi	Thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
4	Vị	Đặc trưng của sản phẩm
5	Nước pha	Có màu đặc trưng của sản phẩm

- TCVN 5251:2015 Cà phê bột – chỉ tiêu lý hóa:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức yêu cầu
1	Hàm lượng cafein	% khối lượng	≥ 1
2	Tỷ lệ chất hòa tan trong nước	%	≥ 25
3	Độ mịn (dưới rây Φ 0,56 mm)	% khối lượng	≥ 30
4	Độ mịn (trên rây Φ 0,25 mm)	% khối lượng	≤ 15
5	Hàm lượng tro không tan trong axit	% khối lượng	≤ 0,2
6	Độ ẩm	% khối lượng	≤ 5,0

- Chỉ tiêu vi sinh vật: sản phẩm không thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 8-3:2012/BYT; Công ty tự công bố mức giới hạn vi sinh vật theo nguyên tắc quản lý rủi ro, áp dụng đối với sản phẩm được pha bằng nước nóng trước khi sử dụng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	Coliforms	CFU/g	10^2
3	*E. coli*	CFU/g	10
4	*S. aureus*	CFU/g	10
5	*C. perfringens*	CFU/g	10
6	*B. cereus*	CFU/g	10^2
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	10^3

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cyproconazole	mg/kg	0,1

- QCVN 8-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Ochratoxin A	µg/kg	5

- QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	2
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3	Asen (As)	mg/kg	1
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (các quy định về nhãn hàng hóa).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 13. tháng 10.. năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)



Thạch Thị Minh Phương

NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

(Kèm theo Bản tự công bố sản phẩm số 01/VAINIO/2026)

Tên sản phẩm: CÀ PHÊ RANG XAY NHA TRANG

Thành phần: 100% nguyên liệu cà phê tự nhiên (cà phê Arabica 20%, cà phê Robusta 80%).

Mức độ rang: vừa.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: hàm lượng cafein ≥ 1%; độ ẩm ≤ 5%.

Khối lượng tịnh:

- Hộp: 100 g (10 túi × 10 g).
- Gói: 250g; 500g; 1kg.

Hướng dẫn sử dụng: Xé túi theo vết cắt sẵn, lấy túi lọc ra; kéo mở hai tai giấy và móc cố định túi lọc lên miệng cốc; rót từ từ khoảng 120 – 150 ml nước sôi (khoảng 90 – 95 °C), chia làm 2 – 3 lần; chờ cà phê nhỏ giọt hết rồi nhấc túi lọc ra. Dùng nóng hoặc thêm đá, đường, sữa tùy khẩu vị.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng. Dùng ngay sau khi mở túi.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

NSX, HSD: Xem trên bao bì.

Tổ chức chịu trách nhiệm về hàng hóa: CÔNG TY TNHH VAINIO

Địa chỉ: Đường 88, Lô 14 LK5-13 Khu đô thị Mỹ Gia - Thái Hưng, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH VAINIO

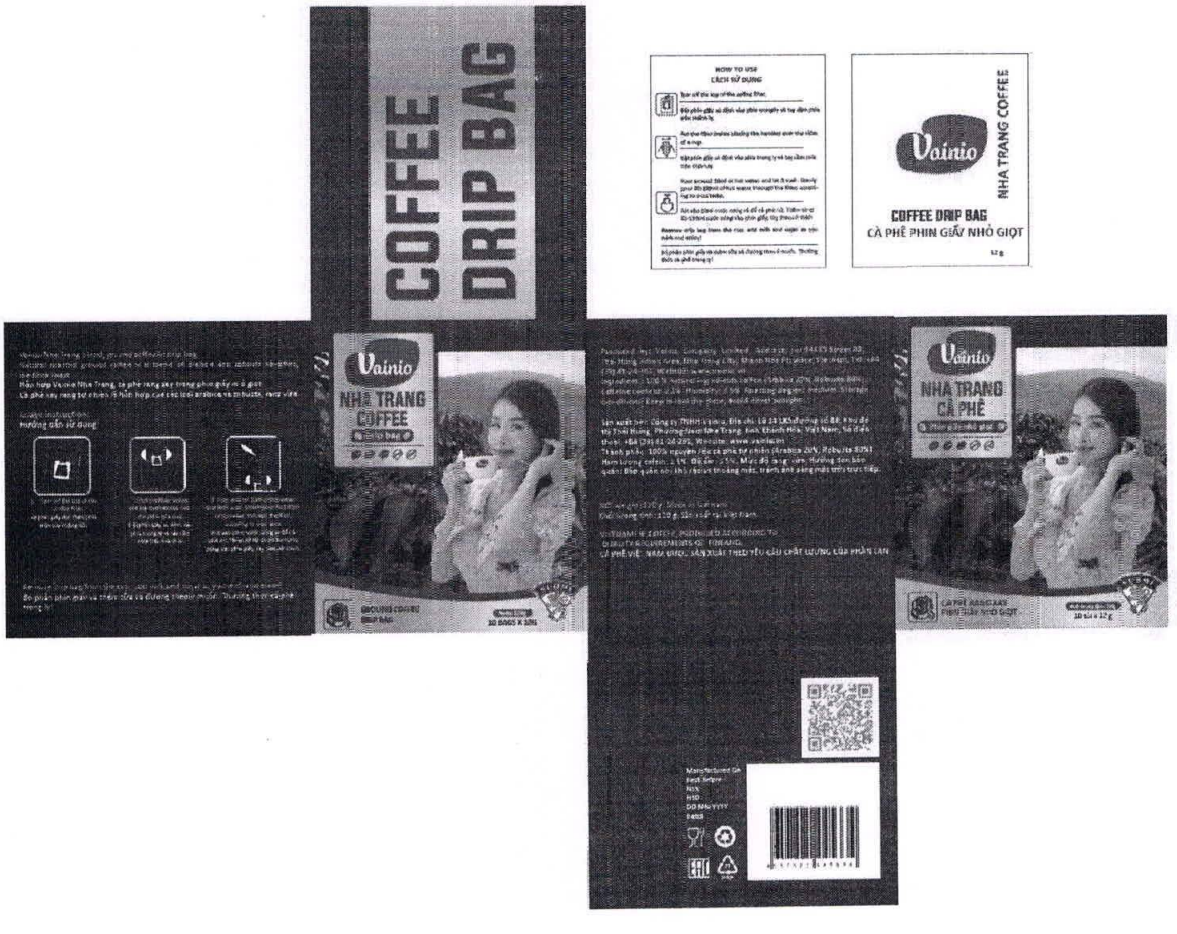
Địa chỉ: Đường 88, Lô 14 LK5-13 Khu đô thị Mỹ Gia - Thái Hưng, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 039 8124261 – Website: www.vainio.vn

Xuất xứ: Việt Nam.

Số TCB: 01/VAINIO/2026


11cm
7.5cm
24.5cm
2 CM
Vainio
NHA TRANG
Ground Coffee
VIETNAMESE STREET COFFEE
#1 VIETNAM'S COFFEE!
NET weight
250 g
Vainio
NHA TRANG
Cà phê rang xay
VIETNAMESE STREET COFFEE
#1 CÀ PHÊ NGON NHẤT VIỆT NAM!
Khối lượng tịnh
250 g


COFFEE
DRIP BAG
HOW TO USE
CÁCH SỬ DỤNG
Vainio
NHA TRANG COFFEE
COFFEE DRIP BAG
CÀ PHÊ PHIN GIẤY NHỎ GIỌT
Vainio
NHA TRANG
COFFEE
Vainio
NHA TRANG
CÀ PHÊ

SỞ Y TẾ KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM KHÁNH HÒA
06 Quang Trung - Nha Trang
ĐT: 0258.3822948 - Fax: 0258.3814609

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

VILAS 720

PHIẾU KIỂM NGHIỆM ~~Hạc~~ MRA

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH VAINIO
2. Địa chỉ : Đường 88, Lô 14 LK5 -13 Khu đô thị Mỹ Gia - Thái Hưng, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà
3. Tên mẫu : Cà phê rang xay Nha Trang
4. Mã số mẫu : 1786/26 GKNTP
5. Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong túi ép kín miệng, do khách mang đến.
6. Thời gian lưu mẫu : Không lưu
7. Ngày gửi mẫu : 07/9/2026
8. Ngày nhận mẫu : 07/9/2026
9. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 07/9/2026 đến 17/9/2026
10. Kết quả kiểm nghiệm :

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Kết quả	So với tiêu chuẩn
I	**Chỉ tiêu cảm quan**				**TCVN 5251:2015**
01	Màu sắc	Cảm quan	-	Màu nâu đặc trưng của sản phẩm	Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
02	Trạng thái	Cảm quan	-	Dạng bột, mịn, không vón cục	Dạng bột, mịn, không vón cục
03	Mùi	Cảm quan	-	Thơm đặc trưng của sản phẩm, không mùi lạ	Thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
04	Vị	Cảm quan	-	Đặc trưng của sản phẩm	Đặc trưng của sản phẩm
05	Nước pha	Cảm quan	-	Sánh, có màu đặc trưng của sản phẩm	Có màu đặc trưng của sản phẩm
II	**Chỉ tiêu hóa lý**				**TCVN 5251:2015**
06	*Hàm lượng Cafein	TCVN 9723:2013	%kl	2,01	≥ 1

07	*Tỉ lệ chất hòa tan trong nước	TCVN 5252:1990	%	31,53	≥ 25
08	Độ mịn (Dưới rây Φ 0,56 mm)	TCVN 10821:2015	%kl	41,40	≥ 30
09	Độ mịn (Trên rây Φ 0,25 mm)	TCVN 10821:2015	%kl	12,68	≤ 15
10	*Hàm lượng tro không tan trong axit	TCVN 5253:1990	%kl	0,084	≤ 0,2
11	*Độ ẩm	HD.02.09/TTKN-TP (2024)	%kl	0,19	≤ 5,0
III	**Chỉ tiêu vi sinh**				-
12	*Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	1,5 x 10^2	-
13	*Coliforms	TCVN 6848:2007	CFU/g	< 10	-
14	*_E.coli_	TCVN 7924-2:2008	CFU/g	< 10	-
15	*_C. perfringens_	TCVN 4991:2005	CFU/g	< 10	-
16	*_S. aureus_	AOAC 987.09 (2007)	MPN/g	< 3	-
17	*_B. cereus_	TCVN 4992:2005	CFU/g	< 10	-
18	*Tổng số nấm men, nấm mốc	TCVN 8275-2:2010	CFU/g	2,0 x 10^2	-
IV	**Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật**				**50/2016/TT-BYT**
19	**Cyproconazole	CASE.SK.0114 (2017) (*)	mg/Kg	Không phát hiện (LOD= 0,003)	≤ 0,1
V	**Hàm lượng độc tố vi nấm**				**QCVN 8-1:2011/ BYT**
20	*Ochratoxin A	HD.02.27/TTKN-TP (2024)	µg/kg	Không phát hiện (LOD= 0,2)	≤ 5
VI	**Hàm lượng Kim Loại**				**QCVN 8-2:2011/ BYT**
21	*Hàm lượng Chì (Pb)	TCVN 10643:2014	mg/kg	Không phát hiện (LOD= 0,0006)	≤ 2
22	*Hàm lượng Cadimi (Cd)	TCVN 10643:2014	mg/kg	Không phát hiện (LOD= 0,0001)	≤ 1
23	*Hàm lượng Asen (As)	TCVN 8427:2010	mg/kg	0,016	≤ 1
24	*Hàm lượng Thủy Ngân (Hg)	TCVN 7993:2009	mg/kg	Không phát hiện (LOD= 0,0003)	≤ 0,05

Kết luận: -

Ghi chú: *(*): Phép thử được VILAS công nhận (ISO/IEC 17025:2017); (**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ;*
LOD: Giới hạn phát hiện; MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp.
LOQ: Giới hạn định lượng: MQL: Ngưỡng định lượng của phương pháp.

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 9 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM KHÁNH HÒA

Trần Phi Hùng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 025049 Quyển số.....SCT/BS

Ngày 06 -10- 2026

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 07 - C.T.H.D

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN CÔNG KHÁNH

P.NHA TRANG - T.KHÁNH HÒA

Nguyễn Thị Kim Dung

Địa chỉ: 06 Quang Trung, P. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại: 0258 3822948 Fax: 0258 3814609
Email: trungtamkiemnghiemkhanhhoa@gmail.com Website: kiemnghiemkhanhhoa.gov.vn

CÔNG TY TNHH VAINIO

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/VAINIO/2026

CÀ PHÊ RANG XAY NHA TRANG

Khánh Hòa, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/VAINIO/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH VAINIO**

Địa chỉ: Đường 88, Lô 14 LK5-13 Khu đô thị Mỹ Gia - Thái Hưng, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 039 8124261 Fax: .....

E-mail: vainiocoffee@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: **4201987016**

Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 về Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm cấp cho Công ty TNHH VAINIO có số chứng nhận **24.02.555-FSM**, cấp ngày 24/06/2026, có giá trị đến 15/04/2027.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CÀ PHÊ RANG XAY NHA TRANG

2. Thành phần: 100% nguyên liệu cà phê tự nhiên (cà phê Arabica 20%, cà phê Robusta 80%).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng được ghi trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

+ Gói: 250g; 500g; 1kg.

- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đóng trong túi màng ghép phức hợp nhiều lớp, có van một chiều, ép kín miệng. Bao bì bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

+ Hộp: 100 g (10 túi × 10 g), 120 g (10 túi × 12 g)

- Chất liệu bao bì: cà phê được chứa trong túi lọc giấy chuyên dụng dùng cho thực phẩm (dạng phin giấy nhỏ giọt); mỗi túi lọc được đóng trong túi màng ghép phức hợp ép kín miệng; bao bì ngoài là hộp giấy. Bao bì bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế..

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên cơ sở sản xuất: **CÔNG TY TNHH VAINIO**
- Địa chỉ: Đường 88, Lô 14 LK5-13 Khu đô thị Mỹ Gia - Thái Hưng, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến và nội dung ghi nhãn sản phẩm.*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- TCVN 5251:2015 Cà phê bột – chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
2	Trạng thái	Dạng bột, mịn, không vón cục
3	Mùi	Thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
4	Vị	Đặc trưng của sản phẩm
5	Nước pha	Có màu đặc trưng của sản phẩm

- TCVN 5251:2015 Cà phê bột – chỉ tiêu lý hóa:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức yêu cầu
1	Hàm lượng cafein	% khối lượng	≥ 1
2	Tỷ lệ chất hòa tan trong nước	%	≥ 25
3	Độ mịn (dưới rây Φ 0,56 mm)	% khối lượng	≥ 30
4	Độ mịn (trên rây Φ 0,25 mm)	% khối lượng	≤ 15
5	Hàm lượng tro không tan trong axit	% khối lượng	$\leq 0,2$
6	Độ ẩm	% khối lượng	$\leq 5,0$

- Chỉ tiêu vi sinh vật: sản phẩm không thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 8-3:2012/BYT; Công ty tự công bố mức giới hạn vi sinh vật theo nguyên tắc quản lý rủi ro, áp dụng đối với sản phẩm được pha bằng nước nóng trước khi sử dụng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	Coliforms	CFU/g	10^2
3	*E. coli*	CFU/g	10
4	*S. aureus*	CFU/g	10
5	*C. perfringens*	CFU/g	10
6	*B. cereus*	CFU/g	10^2
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	10^3

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cyproconazole	mg/kg	0,1

- QCVN 8-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Ochratoxin A	µg/kg	5

- QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	2
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3	Asen (As)	mg/kg	1
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (các quy định về nhãn hàng hóa).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 13.. tháng 10.. năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 4201987016-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH VAINIO TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

Thạch Thị Minh Phương

NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

(Kèm theo Bản tự công bố sản phẩm số 01/VAINIO/2026)

Tên sản phẩm: CÀ PHÊ RANG XAY NHA TRANG

Thành phần: 100% nguyên liệu cà phê tự nhiên (cà phê Arabica 20%, cà phê Robusta 80%).

Mức độ rang: vừa.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: hàm lượng cafein ≥ 1%; độ ẩm ≤ 5%.

Khối lượng tịnh:

- Hộp: 100 g (10 túi × 10 g).
- Gói: 250g; 500g; 1kg.

Hướng dẫn sử dụng: Xé túi theo vết cắt sẵn, lấy túi lọc ra; kéo mở hai tai giấy và móc cố định túi lọc lên miệng cốc; rót từ từ khoảng 120 – 150 ml nước sôi (khoảng 90 – 95 °C), chia làm 2 – 3 lần; chờ cà phê nhỏ giọt hết rồi nhấc túi lọc ra. Dùng nóng hoặc thêm đá, đường, sữa tùy khẩu vị.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng. Dùng ngay sau khi mở túi.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

NSX, HSD: Xem trên bao bì.

Tổ chức chịu trách nhiệm về hàng hóa: CÔNG TY TNHH VAINIO

Địa chỉ: Đường 88, Lô 14 LK5-13 Khu đô thị Mỹ Gia - Thái Hưng, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH VAINIO

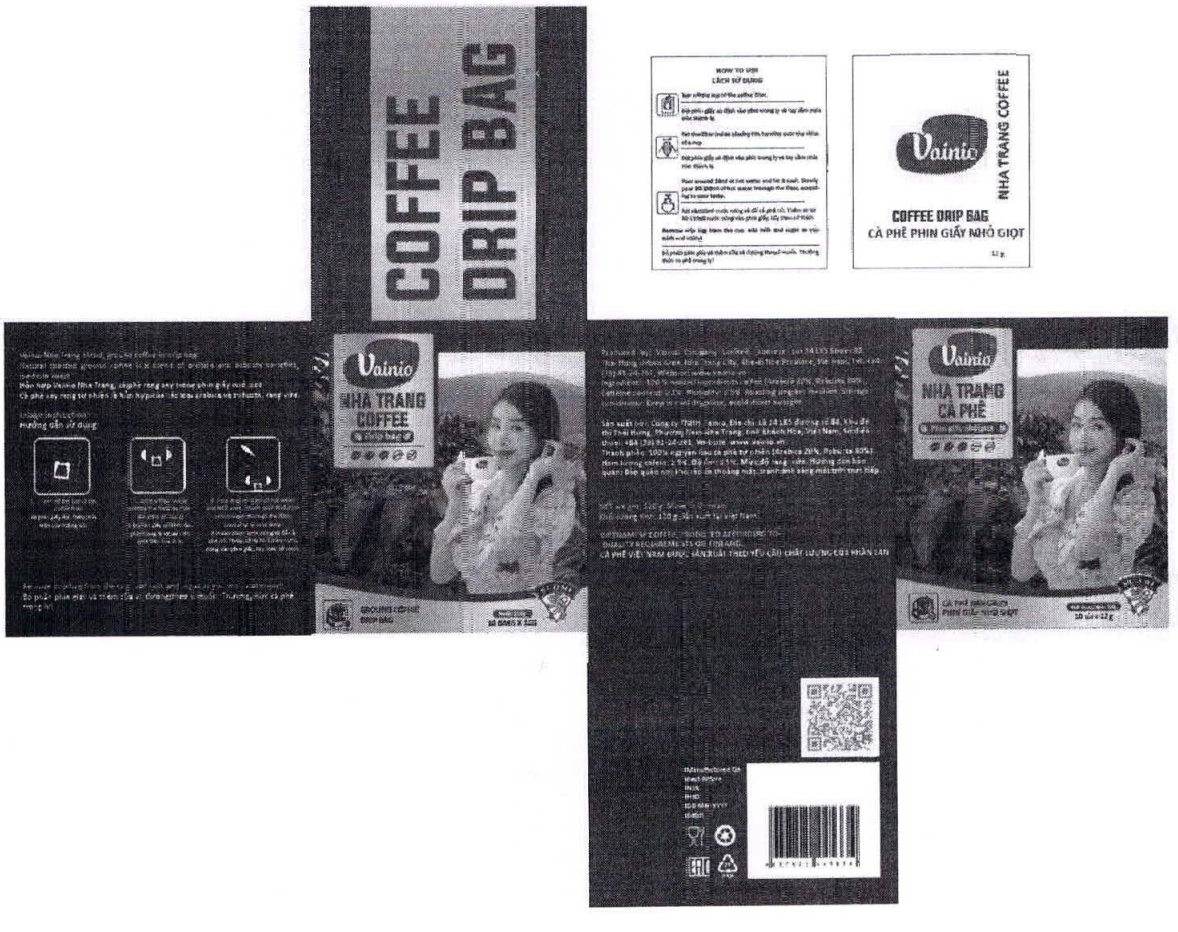
Địa chỉ: Đường 88, Lô 14 LK5-13 Khu đô thị Mỹ Gia - Thái Hưng, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 039 8124261 – Website: www.vainio.vn

Xuất xứ: Việt Nam.

Số TCB: 01/VAINIO/2026


11cm
7.5cm
24.5cm
Vainio
NHA TRANG
Ground Coffee
Cà phê rang xay
VIETNAMESE STREET COFFEE
#1 VIETNAM'S COFFEE
NET weight
250 g
#1 CÀ PHÊ NGON NHẤT VIỆT NAM!
Khối lượng tịnh
250 g


COFFEE
DRIP BAG
Vainio
NHA TRANG
COFFEE
NHA TRANG COFFEE
COFFEE DRIP BAG
CÀ PHÊ PHIN GIẤY NHỎ GIỌT
NHA TRANG
CÀ PHÊ

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH KHÁNH HÒA
PHÒNG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 4201987016

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 10 năm 2023

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 21 tháng 11 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VAINIO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VAINIO COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VAINIO CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 14 LK5 đường số 88, Khu đô thị Thái Hưng, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: *033.833.2673* Số Fax:

Thư điện tử: *vainiocoffee@gmail.com* Website: *vainio.ru*

3. Vốn điều lệ : 3.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ, chữ đệm và tên: THẠCH THỊ MINH PHƯƠNG Giới tính: *Nữ*

Ngày, tháng, năm sinh: *10/12/1991* Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: 056191015266

Địa chỉ liên lạc: *Lô 14-Lk5-13 Khu Đô Thị Mỹ Gia - Thái Hưng, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: THẠCH THỊ MINH PHƯƠNG Giới tính: *Nữ*

Ngày, tháng, năm sinh: *10/12/1991* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *056191015266*

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Lô 14-Lk5-13 Khu Đô Thị Mỹ Gia - Thái Hưng, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: ..... Quyển số: ..... SCT/BS
Ngày 06 -10- 2026 025047
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN CÔNG KHÁNH
P. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

Nguyễn Thị Kim Dung

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Phạm Thị Phương Thảo

inspect

Certificate

Client Name and address

BẢN SAO

VAINIO COMPANY LIMITED
CÔNG TY TNHH VAINIO

Lot 14, LK5, Street No. 88, Thai Hung Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam
Lô 14 LK5 đường số 88, Khu đô thị Thái Hưng, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Standard

ISO 22000:2018 Food Safety Management System

INSPECT has assessed and approved the compliance of the relevant organization with the requirements of the above-mentioned standard within the relevant scope.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 025048 Quyển số..... SCT/BS
Ngày 06 -10- 2026
CÔNG CHỨNG VIÊN

Scope

Processing, packaging: Coffee beans, roasted powdered coffee.

Chế biến, đóng gói và kinh doanh: Cà phê hạt, cà phê bột rang xay.

S.Đ.K.H.Đ: 07 - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN CÔNG KHÁNH HUY
P.NHA TRANG - T.KHÁNH HÒA

Nguyễn Thị Kim Dung
General Manager

IAF/Category Code: CIV-04 (Processing of ambient stable products)
Initial issue date: 16.Apr.2024
Issue date of this certificate: 24.Jun.2026
Validity of this certificate: 15.Apr.2027
Recertification date: 15.Apr.2027
Certificate No: 24.02.555-FSM

The validity period of the certificate is 3 years
This organization was certified by a different CB before a certain date
INSPECT is accredited by International Accreditation Service (IAS)
To verify the validity of this certificate please visit: www.usa-inspect.com
The validity of this certificate depends on the success of surveillance assessments

Inspect Certifications USA LLC — inspect — Certification and Inspection

MEMBER OF MULTILATERAL RECOGNITION ARRANGEMENT IAF

IAS ACCREDITED Management System Certification Body MSCB-148

INSPECT CERTIFICATIONS USA LLC
WYOMING 82801, U.S.A
www.usa-inspect.com

SỞ Y TẾ KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM KHÁNH HÒA
06 Quang Trung - Nha Trang
ĐT: 0258.3822948 - Fax: 0258.3814609

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 720

PHIẾU KIỂM NGHIỆM

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH VAINIO
2. Địa chỉ : Đường 88, Lô 14 LK5 -13 Khu đô thị Mỹ Gia - Thái Hưng, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà
3. Tên mẫu : Cà phê rang xay Nha Trang
4. Mã số mẫu : 1786/26 GKNTP
5. Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong túi ép kín miệng, do khách mang đến.
6. Thời gian lưu mẫu : Không lưu
7. Ngày gửi mẫu : 07/9/2026
8. Ngày nhận mẫu : 07/9/2026
9. Thời gian kiểm nghiệm : Từ 07/9/2026 đến 17/9/2026
10. Kết quả kiểm nghiệm :

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Kết quả	So với tiêu chuẩn
I	**Chỉ tiêu cảm quan**				**TCVN 5251:2015**
01	Màu sắc	Cảm quan	-	Màu nâu đặc trưng của sản phẩm	Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
02	Trạng thái	Cảm quan	-	Dạng bột, mịn, không vón cục	Dạng bột, mịn, không vón cục
03	Mùi	Cảm quan	-	Thơm đặc trưng của sản phẩm, không mùi lạ	Thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
04	Vị	Cảm quan	-	Đặc trưng của sản phẩm	Đặc trưng của sản phẩm
05	Nước pha	Cảm quan	-	Sánh, có màu đặc trưng của sản phẩm	Có màu đặc trưng của sản phẩm
II	**Chỉ tiêu hóa lý**				**TCVN 5251:2015**
06	*Hàm lượng Cafein	TCVN 9723:2013	%kl	2,01	≥ 1

07	*Tỉ lệ chất hòa tan trong nước	TCVN 5252:1990	%	31,53	≥ 25
08	Độ mịn (Dưới rây Φ 0,56 mm)	TCVN 10821:2015	%kl	41,40	≥ 30
09	Độ mịn (Trên rây Φ 0,25 mm)	TCVN 10821:2015	%kl	12,68	≤ 15
10	*Hàm lượng tro không tan trong axit	TCVN 5253:1990	%kl	0,084	≤ 0,2
11	*Độ ẩm	HD.02.09/TTKN-TP (2024)	%kl	0,19	≤ 5,0
III	**Chỉ tiêu vi sinh**				-
12	*Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	1,5 x 10^2	-
13	*Coliforms	TCVN 6848:2007	CFU/g	< 10	-
14	*_E.coli_	TCVN 7924-2:2008	CFU/g	< 10	-
15	*_C. perfringens_	TCVN 4991:2005	CFU/g	< 10	-
16	*_S. aureus_	AOAC 987.09 (2007)	MPN/g	< 3	-
17	*_B. cereus_	TCVN 4992:2005	CFU/g	< 10	-
18	*Tổng số nấm men, nấm mốc	TCVN 8275-2:2010	CFU/g	2,0 x 10^2	-
IV	**Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật**				**50/2016/TT-BYT**
19	**Cyproconazole	CASE.SK.0114 (2017) (*)	mg/Kg	Không phát hiện (LOD= 0,003)	≤ 0,1
V	**Hàm lượng độc tố vi nấm**				**QCVN 8-1:2011/ BYT**
20	*Ochratoxin A	HD.02.27/TTKN-TP (2024)	µg/kg	Không phát hiện (LOD= 0,2)	≤ 5
VI	**Hàm lượng Kim Loại**				**QCVN 8-2:2011/ BYT**
21	*Hàm lượng Chì (Pb)	TCVN 10643:2014	mg/kg	Không phát hiện (LOD= 0,0006)	≤ 2
22	*Hàm lượng Cadimi (Cd)	TCVN 10643:2014	mg/kg	Không phát hiện (LOD= 0,0001)	≤ 1
23	*Hàm lượng Asen (As)	TCVN 8427:2010	mg/kg	0,016	≤ 1
24	*Hàm lượng Thủy Ngân (Hg)	TCVN 7993:2009	mg/kg	Không phát hiện (LOD= 0,0003)	≤ 0,05

Kết luận: -

Ghi chú: *(*): Phép thử được VILAS công nhận (ISO/IEC 17025:2017); (**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ;*
LOD: Giới hạn phát hiện; MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp.
LOQ: Giới hạn định lượng; MQL: Ngưỡng định lượng của phương pháp.

Mã số mẫu: 1786/26 GKNTP

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 9 năm 2026

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM KHÁNH HÒA

Trần Phi Hùng

Địa chỉ: 06 Quang Trung, P. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại: 0258 3822948 Fax: 0258 3814609
Email: trungtamkiemnghiemkhanhhoa@gmail.com Website: kiemnghiemkhanhhoa.gov.vn